

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022-2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-CDYT ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh)

Tên ngành, nghề:	DƯỢC
Mã ngành, nghề:	6720201
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy (phương thức tích lũy lũy tín chỉ)
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thời gian đào tạo:	03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Dược sĩ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức chung

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và có phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học.

- Ngoại ngữ đạt trình độ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (theo thông tư 01/2014/TT- BGDĐT) hoặc tương đương.

- Tin học đạt trình độ tin học cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT- Bộ TTTT

- Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

Có kiến thức chuyên môn cơ bản về dược:

- Bào chế và sản xuất thuốc(các phương pháp sản xuất nguyên liệu làm thuốc, xây dựng công thức, bào chế, sản xuất các dạng thuốc thông thường).
- Dược lý, Dược lâm sàng: sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả
- Tổ chức, quản lý và pháp chế dược: các quy định về hành nghề dược trong Luật Dược và các văn bản pháp quy.
- Kinh tế và quản trị kinh doanh dược: quản lý, kinh doanh, cung ứng trong lĩnh vực dược.
- Đảm bảo chất lượng thuốc: đảm bảo chất lượng thuốc và các phương pháp đánh giá chất lượng dược phẩm.
- Thực vật, Dược liệu, Dược học cổ truyền (bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, chế biến và bào chế các thuốc có nguồn gốc dược liệu).

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện tổ chức và triển khai được các thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm tra chất lượng, phân phối bảo quản, cung ứng thuốc theo tiêu chuẩn thực hành tốt gồm: GMP, GLP, GDP, GSP, GPP.
- Tư vấn và hướng dẫn dược cho các nhân viên y tế và cộng đồng sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.
- Triển khai thực hiện các văn bản pháp quy về dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.
- Triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và các chương trình y tế quốc gia.
- Thu thập, tổng hợp và phổ biến được các thông tin liên quan đến thuốc và sức khỏe.
- Có khả năng giao tiếp, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ tình huống.
- Tổ chức và quản lý được các nguồn lực, dịch vụ cũng như môi trường làm việc.
- Có khả năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, tổ chức và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.
- Giao tiếp được bằng ngoại ngữ mức độ cơ bản; khai thác sử dụng được các tài liệu chuyên ngành
- Sử dụng tin học văn phòng, có khả năng tiếp cận, sử dụng một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Y - Dược, có khả năng khai thác và sử dụng được các dịch vụ cơ bản của Internet trong tìm kiếm và trao đổi thông tin.
- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực y dược để đáp ứng tốt nhiệm vụ dược giao.

1.2.3. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm

- Chủ động trong công việc, tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình; trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tự chịu trách nhiệm trong chuyên môn nghiệp vụ được giao; tích cực, chủ động trong làm việc nhóm.

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), và ISO trong lĩnh vực dược phẩm; các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

- coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

- Có tinh thần cầu tiến, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục khiêm tốn học tập vươn lên.

1. 3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cao đẳng Dược, sinh viên sẽ làm việc trong các cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, Viện kiểm nghiệm, trung tâm kiểm nghiệm thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm...); cơ sở sản xuất, kinh doanh Dược ... của nhà nước hoặc tư nhân tại các vị trí sau:

1. Kiểm nghiệm thuốc
2. Đảm bảo chất lượng
3. Bán lẻ thuốc
4. Chủ quầy thuốc
5. Kho dược và vật tư y tế
6. Thủ kho dược và vật tư y tế
7. Kinh doanh dược phẩm
8. Sản xuất thuốc
9. Tổ trưởng sản xuất thuốc
10. Công tác dược tại cơ sở y tế

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 35
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 118 tín chỉ; 2535 giờ.
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 525 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2010 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 1124 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.287 giờ,
Thi - kiểm tra 124 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1. Môn học/mô đun

Mã Môn học	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Thi/Kiểm tra
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG/ĐẠI CƯƠNG	27	525	259	240	26
MH 1	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 3	Tin học	3	75	15	58	2
MH 4	Ngoại ngữ (I, II)	6	120	57	57	6
MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 7	Xác suất, Thống kê y học	2	30	29	0	1
MH 8	Sinh học và Di truyền	2	30	29	0	1
MH 9	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	29	0	1
II	MÔN HỌC CƠ SỞ NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH	91	2010	865	1047	98
II.1	Môn học cơ sở	24	495	245	223	27
MH10	Hóa đại cương vô cơ	3	60	29	27	4
MH11	Giải phẫu - Sinh lý	3	60	29	27	4
MH12	Hoá sinh	2	30	29	0	1
MH13	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH14	Sinh lí bệnh	2	30	29	0	1
MH15	Hóa hữu cơ	3	60	29	27	4

MH16	Hóa phân tích	3	60	29	27	4
MH17	Bệnh học	4	90	43	45	2
MH18	CSSK Cộng đồng	2	60	14	43	3
II.2	Môn học chuyên môn	48	945	504	383	58
MH19	Thực vật – Đọc viết tên thuốc	4	75	43	27	5
MH20	Tổ chức và pháp chế dược	4	75	43	27	5
MH21	Bào chế	5	90	58	27	5
MH22	Hóa dược	5	90	58	27	5
MH23	Dược liệu	5	90	58	27	5
MH24	Dược lí	5	90	58	27	5
MH25	Kiểm nghiệm	4	75	43	27	5
MH26	Quản lý tồn trữ và Đảm bảo chất lượng thuốc	2	45	14	27	4
MH27	Quản trị kinh doanh và Marketing Dược	2	45	14	27	4
MH28	Dược học cổ truyền	4	75	43	27	5
MH29	Dược lâm sàng	5	135	43	86	6
MH30	Kinh tế dược	3	60	29	27	4
II.3	Môn học tự chọn	11	210	116	81	13
MH31	Kĩ năng giao tiếp bán hàng	3	60	29	27	4
	Kĩ năng giao tiếp	3	60	29	27	4
MH32	Nghiên cứu khoa học	2	30	29	0	1
	Tin học văn phòng nâng cao	2	30	29	0	1
MH33 - 34	Kĩ thuật bào chế thuốc theo y học cổ truyền	3	60	29	27	4
	Kĩ thuật bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc	3	60	29	27	4
	Sinh dược học một số dạng thuốc hiện đại	3	60	29	27	4
II.4	Thực tế ngành	8	360		360	

	Tổng số	118	2535	1124	1287	124
--	----------------	------------	-------------	-------------	-------------	------------

3.2. Phân bố thời gian học

Mã học phần	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/	Thi/ Kiểm tra
I	Học kì I					
MH 1	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 3	Tin học	3	75	15	58	2
MH10	Hóa đại cương vô cơ	3	60	29	27	4
MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
	Cộng	18	375	144	210	21
II.	Học kì II					
MH 7	Xác suất, Thống kê y học	2	30	29	0	1
MH 8	Sinh học và Di truyền	2	30	29	0	1
MH19	Thực vật – Đọc viết tên thuốc	4	75	43	27	5
MH 9	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	29	0	1
MH15	Hóa hữu cơ	3	60	29	27	4
MH11	Giải phẫu - Sinh lý	3	60	29	27	4
MH14	Sinh lí bệnh	2	30	29	0	1
	Cộng	18	315	217	81	17
III.	Học kì III					
MH16	Hóa phân tích	3	60	29	27	4
MH12	Hoá sinh	2	30	29	0	1
MH17	Bệnh học	4	90	43	45	2

MH22	Hóa dược	5	90	58	27	5
MH23	Dược liệu	5	90	58	27	5
	Cộng	19	360	217	126	17
IV.	Học kì IV					
MH 13	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH28	Dược học cổ truyền	4	75	43	27	5
MH24	Dược lí	5	90	58	27	5
MH25	Kiểm nghiệm	4	75	43	27	5
MH18	CSSK Cộng đồng	2	60	14	43	3
MH31	Kĩ năng giao tiếp bán hàng	3	60	29	27	4
	Cộng	20	405	201	178	26
V.	Học kì V					
MH20	Tổ chức và pháp chế dược	4	75	43	27	5
MH26	Quản lý tồn trữ và Đảm bảo chất lượng thuốc	2	45	14	27	4
MH21	Bào chế	5	90	58	27	5
MH29	Dược lâm sàng	5	135	43	86	6
MH27	Quản trị kinh doanh và Marketing Dược	2	45	14	27	4
MH33	Kĩ thuật bào chế thuốc theo y học cổ truyền	3	60	29	27	4
	Cộng	21	450	201	221	28
VI.	Học kì VI					
MH30	Kinh tế dược	3	60	29	27	4
MH32	Nghiên cứu khoa học	2	30	29	0	1
MH 4	Ngoại ngữ (I, II)	6	120	57	57	6
MH34	Sinh dược học một số dạng thuốc hiện đại	3	60	29	27	4
MH35	Thực tế ngành	8	360		360	
	Cộng	22	630	144	471	15

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

06 môn chung thực hiện theo chương trình khung của Bộ LĐTBH theo các thông tư: Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH về chương trình môn học Pháp luật, Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH về Chương trình môn học Giáo dục chính trị, Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH về Chương trình môn học Tiếng Anh,, Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH về chương trình môn học Tin học, Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH chương trình môn học Giáo dục thể chất, Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH về môn học Giáo dục quốc phòng

Chương trình được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ cao đẳng.

4.2. Hướng dẫn xác định thời gian học tập và các hoạt động ngoại khóa

Khóa đào tạo được thực hiện trong 3 năm, mỗi năm có 2 học kỳ chính và một học kỳ phụ. Học kỳ chính có 15 tuần thực học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ. Học kỳ hè có 6 tuần thực hiện cho cả việc học và thi. Ngoài ra sinh viên được nghỉ tết 2 tuần, nghỉ các ngày lễ theo quy định của Nhà nước.

Tổ chức thực tế tại cộng đồng sau khi sinh viên đã học các môn cơ sở, tiền lâm sàng, Y tế cộng đồng, Giáo dục sức khỏe và hầu hết các môn học lâm sàng. Sinh viên sẽ được thực tập tại một số nhà máy, xí nghiệp, trạm y tế xã, phường và cụm dân cư tại địa bàn của trường.

4.3. Hướng dẫn thi, kiểm tra các môn học

Mỗi môn học được đánh giá bằng 3 loại điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn học (các điểm này được quy định chi tiết trong từng đề cương môn học)

- Điểm kiểm tra thường xuyên: Do giảng viên chủ động về hình thức và chủ đề, qua việc đánh giá thường xuyên khi lên lớp. Trung bình cộng các điểm này (làm tròn đến phần nguyên) là điểm kiểm tra thường xuyên.

- Điểm kiểm tra định kỳ: Mỗi môn học có ít nhất 1 điểm kiểm tra định kỳ, hình thức và thời gian do giáo viên giảng dạy quyết định, thang điểm 10 và làm tròn đến phần nguyên.

Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì chiếm 40% trọng số điểm của môn học.

- Điểm thi kết thúc môn học: Kết thúc học kỳ, Nhà trường tổ chức thi hết các môn trong học kỳ đó, kỳ thi hết môn được Hội đồng triển khai trên cơ sở bộ công cụ đánh giá do các Khoa chuyên môn xây dựng. Việc coi thi, chấm thi và công bố điểm thi theo quy trình và giám sát chặt chẽ. Điểm thi hết môn làm tròn đến phần nguyên và có trọng số 60% điểm môn học.

- Điểm môn học = 40%* (□ Điểm kiểm tra thường xuyên + 2*□Điểm kiểm tra định kỳ) + 60%* Điểm thi hết môn. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học còn được quy đổi thành các điểm A, B, C, D, E tương ứng.

4.4. Hướng dẫn đánh giá tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên như sau được xét công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành khối lượng tín chỉ tích lũy theo Chương trình đã ban hành. 100% các môn học trong Chương trình đào tạo có điểm các môn học $\geq 4,0$ theo hệ số 10 và $\geq 1,0$ theo điểm hệ số 4. Điểm tổng kết toàn khóa học $\geq 2,0$ theo điểm hệ số 4.

- Có Chứng chỉ giáo dục thể chất, giáo dục Quốc phòng và an ninh.

- Có chứng chỉ Ngoại ngữ đạt trình độ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (theo thông tư 01/2014/TT- BGDĐT).

- Có chứng chỉ Tin tương đương trình độ tin học cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT- Bộ TTTT.

- Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính (học phí, bảo hiểm...) với Nhà trường;

- Đang không trong thời kỳ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp, Nhà trường sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho người học.

Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

TS. Trần Xuân Hoan